115學年度實習前說明會

護理科實習組115.06.16

實習相關規定

- **實習場所**：依護理科實習機構遴選通過之機構進行實習。
- **實習時間**：115.09.14-116.01.15(共18 週)
- **實習法規**：NS-D23護理科新南向產學合作國際專班學生校外實習實施要點
- 學生實習前，除學生平安保險外，另有投保醫療及意外險（實習期間有效），由教育部提供合約廠商，學校代為進行投保作業。
- **自我保護**：洗手、感控等。

實習保險

項目	承保內容	保險額度 (新臺幣)
A	意外身故	200萬元
B	意外失能	依失能等級給付 10~200萬元
C	傷害醫療保險金 (實支實付型)	最高給付5萬元
D	傷害醫療保險金 (日額型)	傷害住院給付 每日1,000元

- **保障範圍**：凡非因疾病所引起的外來突發事故。如：天災、交通意外等事故(酒後駕車、自殺不予理賠)。
- **保障對象**：教育部所轄之各級公、私立大專校院具有學籍之校外實習學生。
- **理賠程序**：理賠申請由**總務處事務組統一協助**向保險公司申請，若同學在實習期間產生理賠需求，可向實習組初步洽詢。

實習計畫說明

- 基本照顧實務實習計畫(必修)，共3學分
- 長期照顧實習計畫(選修)，共9學分
- 依規定須全數完成實習時數後，方得給予實習學分。如有未達六十分不及格者，需重修該實習學分，實習成績評量由校內實習輔導老師及實習機構共同評核。
- 實習學生請假須事先告知實習機構及校內實習輔導老師，並辦理請假手續及補足實習時數。若超過三分之一(含)則該實習科目不通過。
- 實習轉換之處理原則。

實習合約說明~中越版

聖母醫護管理專科學校
Trường Cao Đẳng Quản Lý Y Tế Thánh Mẫu
新南向產學合作國際專班學生校外實習合約書
BẢNG HỢP ĐỒNG THỰC TẬP NGOÀI TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN HỆ CHUYÊN BAN QUỐC TẾ THEO CHÍNH SÁCH TÂN HƯỚNG NAM

立合約書人：
Các bên ký kết hợp đồng:
學　　校：聖母醫護管理專科學校　（以下稱甲方）
Nhà trường: Trường Cao đẳng Quản lý Y tế Thánh Mẫu　(sau đây gọi là Bên A)
實習機構：長庚醫療財團法人附設長青護理之家　（以下稱乙方）
Cơ sở thực tập: Viện dưỡng lão Trường Thanh trực thuộc Tập đoàn Y tế Trường Canh　(sau đây gọi là Bên B)
實習學生：　（以下稱丙方）
Sinh viên thực tập:　(sau đây gọi là Bên C)

為促進國家產業政策發展，增進國際文教交流，強化學校與業界鏈結，三方基於互惠原則，共同推展校外實習課程教學與實務訓練，乙方與丙方為單純學習訓練關係(不具僱傭關係)，以提升學生務實致用之觀念與能力，特協議訂定下列事項，共同遵循。
Nhằm thúc đẩy phát triển chính sách công nghiệp quốc gia, tăng cường giao lưu văn hóa – giáo dục quốc tế, cùng có lợi ích giữa nhà trường và doanh nghiệp, ba bên trên cơ sở cùng có lợi, phối hợp triển khai chương trình thực tập ngoài trường và đào tạo thực tiễn. Quan hệ giữa Bên B và Bên C chỉ là quan hệ đào tạo học tập (không phải quan hệ lao động). Nhằm nâng cao năng lực và tính ứng dụng thực tế của sinh viên, các bên thống nhất các điều khoản sau và cùng tuân thủ.

一、三方工作職責：
I. Trách nhiệm của ba bên:
甲方：負責聯繫協調實習有關事項及安排分發學生實習機構，並指派校內實習輔導老師(必要時得倍同)熟悉學生來源國語言之專責輔導人員，協助學生（丙方）專業實務實習。
Bên A: Chịu trách nhiệm liên hệ, điều phối các vấn đề liên quan đến thực tập, phân công sinh viên đến cơ sở thực tập, đồng thời chỉ định giảng viên hướng dẫn thực tập trong trường (khi cần có thể kèm theo nhân sự hỗ trợ chuyên trách am hiểu ngôn ngữ của quốc gia sinh viên) để hỗ trợ Bên C trong quá trình thực tập chuyên môn.
乙方：負責學生實習單位分配、報到、訓練及指導實習學生，協助學校（甲方）校內實習輔導老師進行輔導訪視，且依照甲、乙雙方共同擬訂之實習課程按課於丙方。
Bên B: Chịu trách nhiệm phân công đơn vị thực tập, tiếp nhận, đào tạo và hướng dẫn sinh viên; phối hợp với giảng viên hướng dẫn của Bên A trong việc thăm và hỗ trợ sinh viên; đồng thời giảng dạy theo chương trình thực tập do hai bên A và B thống nhất.
丙方：在實習期間內，其實習時間依甲乙雙方共同議定之實習課程與時間上課，惟不得違反教育部相關規定。丙方在實習時間必須遵守乙方之實習規定。
Bên C: Trong thời gian thực tập, phải tham gia theo chương trình và thời gian do Bên A và B thống nhất (không vi phạm quy định của Bộ Giáo dục). Bên C phải tuân thủ quy định thực tập của Bên B.

二、實習相關內容：
II. Nội dung thực tập:
實習主要培育目標能力，應與丙方在校所學專長領域相關或有助於所屬專長領域學習。
Mục tiêu đào tạo thực tập phải phù hợp hoặc hỗ trợ lĩnh vực chuyên môn mà Bên C đang theo học.

(一) 實習學生就讀甲方 新南向　產學合作國際專班。
Sinh viên thực tập đang theo học lớp quốc tế hợp tác công–doanh nghiệp theo Chính sách Tân Hướng Nam tại Bên A.
(二) 本次實習課程名稱為基本照顧實務實習及長期照顧實習。
Tên học phần thực tập: Thực tập chăm sóc cơ bản và thực tập chăm sóc dài hạn.
(三) 本次實習之
Thông tin thực tập:
單位名稱：　N2A、N5A、N6A
Tên đơn vị: _____
部門名稱：　護理部　　地址：桃園市龜山區東萬路坑 26-8 號
Bộ phận: _____　　Địa chỉ: _____
(四) 實習期間：
Thời gian thực tập:
自 115 年 09 月 14 日至 116 年 01 月 15 日(共 18 週)，每週實習時數 32 小時，總實習時數共 576 小時。實習課程時間限週一至週五，上午 8 點至下午 17 點之間，一天以 8 小時為上限。實習性質應與丙方實習課程目標相關為宜，並不得令丙方從事危險、違法之實習活動。
Từ ngày 14/09/2026 đến ngày 15/01/2027 (tổng 18 tuần), mỗi tuần 32 giờ, tổng cộng 576 giờ. Thời gian thực tập từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8:00 đến 17:00, tối đa 8 giờ/ngày. Nội dung thực tập phải phù hợp mục tiêu đào tạo, không được yêu cầu sinh viên thực hiện công việc nguy hiểm hoặc trái pháp luật.
(五) 每月給付實習津貼新台幣 12000 元，由乙方直接匯入學生指定帳戶。
Trợ cấp thực tập: 12.000 TWD/tháng, do Bên B chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản sinh viên.
(六) 其他事項：
Các khoản khác:
1.宿　舍：□無　■乙方免費提供　□付費提供：每月_____元。
Ký túc xá:　□ Không　■ Bên B cung cấp miễn phí　□ Có thu phí: ___/tháng
2.伙　食：■無　□乙方免費提供　□付費提供：每月_____元。
Ăn uống:　■ Không　□ Miễn phí　□ Có thu phí: ___/tháng
3.交通津貼：■無　□乙方免費提供　□付費提供：每月_____元。
Trợ cấp đi lại:　■ Không　□ Miễn phí　□ Có thu phí: ___/tháng

三、實習報到：
III. Báo cáo thực tập:
(一) 甲方應於實習開始前將實習學生名單及報到資料送達乙方。
Bên A phải gửi danh sách và thông tin sinh viên cho Bên B trước khi thực tập.
(二) 丙方報到時，乙方應立即給予教育訓練，並派專人指導。
Khi sinh viên đến, Bên B phải tổ chức đào tạo ban đầu và phân công người hướng dẫn.

四、實習保險：甲方應依教育部規定為丙方投保校外實習學生團體意外保險，甲方應於分派學生至乙方實習前辦理完成丙方相關保險事宜（含意外傷害保險）。甲方應於分派學生至乙方實習之二週以前即將學生名冊並檢附意外訓練、體檢報告及實習期間學生傷害保險投保額最少 100 萬元(含)之投保證明送達乙方，俾利安排實習事宜，資料不完整或資格不符者，乙方得拒絕實習。
IV. Bảo hiểm thực tập: Bên A phải mua bảo hiểm tai nạn cho sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục (tối thiểu 1 triệu TWD), hoàn tất trước khi phân công thực tập. Đồng thời phải cung cấp danh sách sinh viên, chứng nhận huấn luyện sơ cứu, báo cáo khám sức khỏe cho Bên B trước 2 tuần. Nếu hồ sơ không đầy đủ, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận.

五、實習生輔導：
V. Hướng dẫn thực tập:
(一) 實習期間由甲方安排導師或校內實習輔導老師赴乙方進行實習訪視，每學期至少訪視兩次為原則。並由甲方負責丙方之實習輔導、溝通及聯繫工作。

Trong thời gian thực tập, Bên A sẽ sắp xếp giáo viên chủ nhiệm hoặc giảng viên hướng dẫn thực tập trong trường đến Bên B để thăm và theo dõi quá trình thực tập, nguyên tắc mỗi học kỳ ít nhất hai lần. Đồng thời, Bên A chịu trách nhiệm về công tác hướng dẫn, trao đổi và liên lạc liên quan đến thực tập của Bên C.
(二) 實習期間由乙方實習單位主管擔任丙方業界實習指導老師，督導其校外實習課程內容及進行課程指導。
Trong thời gian thực tập, người phụ trách đơn vị thực tập của Bên B sẽ đảm nhiệm vai trò giảng viên hướng dẫn thực tập tại cơ sở, giám sát nội dung chương trình thực tập ngoài trường và hướng dẫn chuyên môn cho Bên C.
(三) 乙方應負責丙方於實習場所之安全防護，於實習前派專人進行教育訓練，其內容包含：實習內容、安全衛生、防災逃生等指導項目。乙方不得要求丙方從事危險及違法行為，實習課程內容以不影響學生健康及安全為原則。乙方如有違反，甲方得逕行終止本合約，亦即實習課程立即終止。
Bên B có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho Bên C tại nơi thực tập, đồng thời trước khi thực tập phải cử nhân sự chuyên trách tiến hành đào tạo, bao gồm các nội dung như: nội dung thực tập, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống thiên tai và thoát hiểm. Bên B không được yêu cầu Bên C thực hiện các công việc nguy hiểm hoặc trái pháp luật; nội dung thực tập phải đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của sinh viên. Nếu Bên B vi phạm, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng này ngay lập tức, đồng nghĩa với việc chương trình thực tập cũng sẽ bị chấm dứt.
(四) 實習期間甲、乙雙方協同給予丙方專業指導，丙方應遵守甲、乙方所共同安排之實習規劃。
Trong thời gian thực tập, bên A và bên B phải hướng dẫn chuyên môn cho bên C, bên C phải tuân thủ những quy tắc thực do bên A và bên B đưa ra.
(五) 甲、乙雙方不定期進行實習相關業務協調或檢討實習課程各項內容，期使實習合作更臻完善。
Bên A và Bên B sẽ định kỳ hoặc không định kỳ tiến hành phối hợp, trao đổi về các công việc liên quan đến thực tập hoặc rà soát, đánh giá các nội dung của chương trình thực tập nhằm hoàn thiện hơn nữa sự hợp tác thực tập.
(六) 實習期間，為顧及乙方醫療照護服務責任及丙方安全，丙方應遵照乙方所規定之操作方法及防護規則、標準作業流程等相關規定。
Trong thời gian thực tập, để đảm bảo trách nhiệm cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế của Bên B và an toàn của Bên C, Bên C phải tuân thủ các phương pháp thao tác, quy tắc an toàn, quy trình vận hành tiêu chuẩn và các quy định liên quan do Bên B ban hành.

六、實習考核：
VI. Đánh giá:
(一) 實習期間由甲方校內實習輔導教師及乙方實習單位主管共同評核丙方實習成績，丙方應於當學期結束前，依甲方規定期限繳交實習報告予乙方，乙方應配合甲方要求於期限內將實習成績考評表繳交甲方，俾利核算實習成績。成績考核依比為甲、乙方雙方共同協調核定，由甲方校內實習輔導老師依上述評核作總結性評量，給予丙方校外實習課程最終成績。
Trong thời gian thực tập, kết quả thực tập của Bên C sẽ do giảng viên hướng dẫn thực tập trong trường của Bên A và người phụ trách đơn vị thực tập của Bên B cùng đánh giá. Bên C phải nộp báo cáo thực tập cho Bên B trước khi kết thúc học kỳ theo thời hạn do Bên A quy định. Bên B phải phối hợp với yêu cầu của Bên A, gửi bảng đánh giá kết quả thực tập về cho Bên A đúng hạn để thuận tiện cho việc tính điểm. Tỷ lệ đánh giá điểm do hai bên A và B cùng thống nhất. Giảng viên hướng dẫn của Bên A sẽ tổng hợp các kết quả đánh giá trên để đưa ra điểm cuối cùng của học phần thực tập ngoài trường cho Bên C.
(二) 丙方實習之表現或適應欠佳時或乙方實習評分表評值未達 60 分，由乙方主動知會甲方並共同協商後，由甲方校外實習負責單位依學校規定處理。丙方若有不適應之情事，甲方經校定程序審核通過後，將協助丙方轉換至新實習機構繼續完成實習。轉銜後之丙方成績，將彙整前、後實習機構之考核分數，並依實際實習時數配比計算之。
Nếu trong quá trình thực tập, Bên C có biểu hiện kém hoặc không thích nghi, hoặc điểm đánh giá của Bên B dưới 60 điểm, Bên B sẽ chủ động thông báo cho Bên A để cùng thảo luận và xử lý theo

實習注意事項(一)

- 請依約定時間到達實習單位，準時上下班，注意服儀與基本禮貌。
- 實習必備：
  - **實習名牌**：實習組會發放紙本，請務必放入識別證套明套。
  - **實習手冊**、工具書。(實習組會發放每人一本實習手冊)
  - **實習制服（圍裙）**。

實習注意事項(二)

- **個資保護**：照顧對象的資料、自己的資料等。
- 每日自我檢視實習成效。
- 實習期間問題反映窗口：

  1.導師。

  2.每位同學均有一位「校內實習輔導老師」，實習期間進行訪視。

  3.護理科辦公室、國際合作中心等。

聖母醫護管理專科學校

護理科

學　號：

實習生：

2026/9/24

實習名牌

實習期間配戴於明顯處

聖母醫護管理專科學校

護理科國際學生產學長照專班

學生實習手冊

S：Service-Learning 服務學習

M：Moral & Multiculture 品德及多元文化

C：Caring & Core-Competence 關懷及核心競爭力

115 年 05 月 護理科實習組 製（113 級春季班）

2026/9/24

實習手冊

實習期間

需隨身攜帶



實習制服

實習期間

需隨身攜帶



實習制服

實習期間

需隨身攜帶

實習相關說明

- 羅東校區、三星校區住宿申請，請洽學務處陳宏鈞教官。
- **校外賃居安全、交通安全**。
- 學生申訴處理辦法。
- 實習結束後填寫「實習滿意度調查」。

常見的職場性騷擾行為



01 ◆ 身體的接觸

不當的接觸或撫摸他人的身體、故意擦撞強行搭肩膀或臂、故意緊貼他人等。

02 ◆ 言語的接觸

故意談論有關性的話題、詢問個人的性隱私、性生活、對別人的衣著、外表和身材給予有關性方面的評語，故意講述色情笑話、故事。

03 ◆ 非言語的行為

故意吹口哨或表現出不受歡迎的聲調、身體或手的動作具有性的暗示、用曖昧的眼光打量他人、展示與性有關的物件，如色情書刊、海報等。

學校聯絡資訊



03-9897396#502、505

03-9899053

03-9897396#331

03-9897396#111、113

實習前體檢(一)

- 體檢前一天：晚上12點後或空腹6-8小時(請完全禁食，包括任何食物及有糖分之液體) 。
- 體檢當天：115.06.23(二)AM08：30~09：00間，要抵達聖母醫院(S棟2樓預防健檢中心報到)，要帶學生證、居留證、護照、體檢費用及須戴口罩。
- 若「未具」B型肝炎、麻疹及德國麻疹抗體者必須檢附疫苗施打紀錄，或有接種禁忌者，則提供暫不適宜預防接種證明，且體檢機構須為勞動部指定之體格檢查醫療機構，並為地區醫院以上層級醫院。

實習前體檢(二)

- **糞便檢查前一天**：115.09.07(一)可以正常吃東西、喝水。
- 糞便檢查當天：115.09.08(二) AM08：30~09：00間，要抵達聖母醫院(**S棟2樓預防健檢中心報到**)，要帶學生證、居留證、護照及須戴口罩。

Q/A時間